

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA

I. Thông tin chung về nhiệm vụ:

1. Tên nhiệm vụ, mã số:

- Tên đề tài: “*Nghiên cứu đề xuất giải pháp chính sách hỗ trợ phát triển các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ Việt Nam*”,

- Mã số: TTKHCN.ĐT01-20

- Loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

+ Nhiệm vụ khoa học xã hội và nhân văn:

- Thuộc Chương trình: “*Phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến 2020*”.

2. Mục tiêu nhiệm vụ

Mục tiêu chung: Đề xuất các giải pháp chính sách hỗ trợ phát triển các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ Việt Nam thông qua việc phân tích thực trạng hoạt động của các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN, đánh giá năng lực và kết quả hoạt động của các tổ chức trung gian.

Mục tiêu cụ thể:

- Nhận diện được thực trạng hoạt động của các tổ chức trung gian ở thị trường KH&CN ở Việt Nam;
- Xác định được mô hình hoạt động và mạng lưới của tổ chức trung gian theo hướng chuyên nghiệp tại Việt Nam;
- Đề xuất các giải pháp chính sách hỗ trợ phát triển các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN Việt Nam.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: PGS.TS. Lê Trung Thành

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Trường Đại học Kinh tế quốc dân

5. Tổng kinh phí thực hiện: 3.160 triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 3.160 triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: 0 triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

Bắt đầu: 12/2019

Kết thúc: 12/2020

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền: 6/2021

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

Stt	Họ và tên	Chức danh, học vị	Cơ quan công tác
1	Lê Trung Thành	PGS.TS	Trường ĐH KTQD
2	Đoàn Xuân Hậu	TS	Trường ĐH KTQD
3	Nguyễn Hữu Xuyên	TS	Bộ Khoa học và Công nghệ
4	Phạm Thị Huyền	PGS.TS	Trường ĐH KTQD
5	Lê Hà Thanh	PGS.TS	Trường ĐH KTQD
6	Vũ Minh Đức	PGS.TS	Trường ĐH KTQD
7	Đào Văn Thanh	TS	Trường ĐH KTQD
8	Nguyễn Đình Toàn	TS	Trường ĐH KTQD
9	Đỗ Khắc Hường	TS	Trường ĐH KTQD
10	Nguyễn Thị Phương Linh	TS	Trường ĐH KTQD
11	Dương Công Doanh	TS	Trường ĐH KTQD
12	Nguyễn Minh Hiền	ThS.NCs	Trường ĐH KTQD
13	Phạm Hồng Chương	PGS.TS	Trường ĐH KTQD
14	Vũ Huy Thông	PGS.TS	Trường ĐH KTQD
15	Phạm Văn Tuấn	TS	Trường ĐH KTQD
16	Đào Thị Thanh Lam,	PGS.TS	Trường ĐH KTQD
17	Nguyễn Thị Kim Chi	TS	Trường ĐH Kinh doanh và công nghệ
18	Lê Quang Dũng	TS	Trường ĐH KTQD
19	Phan Thị Thu Hiền	TS	Trường ĐH Kinh tế Kỹ thuật HN
20	Lê Thùy Hương, TS	TS	Trường ĐH KTQD

II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

1. Về sản phẩm khoa học

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành

Stt	Tên sản phẩm	Số lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
A	<i>Các báo cáo</i>						
1	Báo cáo phân tích và đánh giá hiện trạng về hoạt động của tổ chức trung gian dựa trên bộ tiêu chí được xây dựng		x			x	
2	Báo cáo đề xuất mạng lưới tổ chức trung gian ở Việt Nam đến năm 2030		x			x	
3	Báo cáo đề xuất một số mô hình hoạt động của tổ chức trung gian điển hình phù hợp với điều kiện Việt Nam		x			x	
4	Hệ thống giải pháp khuyến nghị về chính sách phát triển thị trường trung gian của thị trường khoa học và công nghệ Việt Nam giai đoạn 2012-2030		x			x	
5	Báo cáo tổng hợp đề tài		x			x	
6	Báo cáo tóm tắt của đề tài		x			x	
7	Báo cáo kiến nghị		x			x	
B	<i>Công bố bài báo khoa học</i>						
1	Lê Trung Thành, Phạm Thị Huyền, “Nâng tầm thị trường khoa học và công nghệ Việt Nam: Cần phát triển vai trò “bà mối”, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, 3/2021	x			x		
2	Nguyễn Hữu Xuyên, Lê Trung Thành, Phạm Thị Huyền (2021). Tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ: Phương hướng và đề xuất mô hình phát triển. Tạp chí Thông tin và truyền thông, số 2 tháng 2/2021, trang 106-113. ISSN: 1859-3550.	x			x		

Stt	Tên sản phẩm	Số lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
3	Vu Minh Duc (2020). Identifying Technology Science Intermediary Services in Wood Industry: The View Points of Insiders. 3rd International Conference on Contemporary Issues In Economics, Management and Business, Hanoi. Finance Publishing House, p1125-1148.	x				x	
4	Bùi Thúy Vân, “Tranh chấp thương mại Hoa Kỳ và Trung Quốc: Tác động đến xuất khẩu sản phẩm gỗ sang Hoa Kỳ của các doanh nghiệp Việt Nam”, KYHT quốc tế, NXB Lao động xã hội, 12/2020	x				x	
5	Lê Trung Thành, Lê Đức Thịnh (2020) Sự thay đổi về vật liệu xây dựng ở Việt Nam trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0. Kỷ yếu hội thảo khoa học “Năng lực, chất lượng và lợi thế cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng ở Việt Nam trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0”, Hà Nội, 2020. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.	x				x	
6	Lê Trung Thành, Phạm Thị Huyền, Thuận lợi, khó khăn và một số giải pháp phát triển tổ chức trung gian của thị trường KH&CN Việt Nam. Kỷ yếu Hội thảo “Tổng kết 10 năm phát triển thị trường KH&CN giai đoạn 2011-2020”, Thành phố Hồ Chí Minh, 3/2021.	x				x	
C	Kỷ yếu Hội thảo						
1	Kỷ yếu hội thảo 1. Vai trò của các tổ chức trung gian trên thị trường Khoa học và công nghệ tại Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0		x			x	
2	Kỷ yếu hội thảo 2. Giải pháp chính sách hỗ trợ phát triển các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ của Việt Nam		x			x	
D	Sản phẩm đào tạo						
1	01 NCS - NCS Nguyễn Hoàng Hà, đề tài “Đánh giá mức độ sẵn sàng của ngành chế biến, chế tạo Việt Nam trước CMCN lần thứ 4”		x			x	

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao

Stt	Tên sản phẩm	Thời gian dự kiến ứng dụng	Cơ quan dự kiến ứng dụng	Ghi chú
1	Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt của đề tài	2021-2025	Bộ Khoa học và Công nghệ	
2	Báo cáo kiến nghị	2021-2025	Bộ Khoa học và Công nghệ	
3	Hệ thống giải pháp khuyến nghị về chính sách phát triển thị trường trung gian của thị trường khoa học và công nghệ Việt Nam giai đoạn 2012-2030	2021-2025	Bộ Khoa học và Công nghệ	

1.3. Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng (nếu có):

Stt	Tên sản phẩm	Thời gian ứng dụng	Tên cơ quan ứng dụng	Ghi chú
1	Báo cáo phân tích và đánh giá hiện trạng về hoạt động của tổ chức trung gian dựa trên bộ tiêu chí được xây dựng	2021	Bộ Khoa học và Công nghệ	
2	Báo cáo đề xuất mạng lưới tổ chức trung gian ở Việt Nam đến năm 2030	2021	Bộ Khoa học và Công nghệ	
3	Báo cáo đề xuất một số mô hình hoạt động của tổ chức trung gian điển hình phù hợp với điều kiện Việt Nam	2021	Bộ Khoa học và Công nghệ	
4	Hệ thống giải pháp khuyến nghị về chính sách phát triển thị trường trung gian của thị trường khoa học và công nghệ Việt Nam giai đoạn 2012-2030	2021	Bộ Khoa học và Công nghệ	

2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ

Thị trường KH&CN trong đó có các tổ chức trung gian ở Việt Nam đã dần hình thành và phát triển. Xét theo chức năng, hiện tại có 15 loại hình tổ chức trung gian của thị trường KH&CN ở Việt Nam, được chia thành 3 nhóm gồm:

- (i) các doanh nghiệp/đơn vị cung cấp dịch vụ KH&CN (các doanh nghiệp có nguồn thu chính từ dịch vụ KH&CN; các tổ chức TDC; tổ chức sở hữu công nghiệp và hỗ trợ pháp lý; các tổ chức đánh giá, định giá, giám định (bộ KH&CN); và các tổ chức đánh giá, thẩm định giá (bộ Tài chính).
- (ii) Các tổ chức trung gian hợp tác và hỗ trợ KH&CN: chủ yếu là các trường, Viện, trung tâm KH&CN như Trung tâm ứng dụng KH&CN (thuộc Sở KH&CN); tổ chức KH&CN (Viện, cơ sở giáo dục đại học,...); các doanh nghiệp KH&CN; các tổ chức tài chính và quỹ; Trung tâm đổi mới sáng tạo; Vườn ươm.
- (iii) Trung gian kết nối hay tổ chức kết nối: các sàn giao dịch; hội chợ công nghệ, thiết bị; hiệp hội ngành nghề và cơ quan quản lý.

Kết quả khảo sát và đánh giá năng lực, kết quả hoạt động của các tổ chức trung gian cho thấy, hiện nay, năng lực của các TCTG KH&CN còn khá yếu, từ năng lực dữ liệu, học hỏi đến năng lực phát triển thị trường đều ở mức thấp. Mặc dù mối quan hệ với các bên tham gia khác được đánh giá khá tốt. Điều này thể hiện rõ hơn trong kết quả hoạt động (về phần doanh thu) cho thấy rất ít tổ chức (thường chỉ khoảng từ 10-20%) tổ chức có doanh thu cốt lõi từ các dịch vụ KH&CN, tập trung ở các dịch vụ cung cấp thông tin; xúc tiến cung cầu; đánh giá, định giá, giám định; hỗ trợ hoàn thiện, đổi mới sản phẩm; hỗ trợ dịch vụ liên quan đến tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; hỗ trợ giao dịch và sau giao dịch; cung cấp dịch vụ đào tạo. Những dịch vụ về tư vấn sở hữu trí tuệ, pháp lý và hỗ trợ tiếp cận vốn vẫn là những dịch vụ ít mang lại doanh thu cốt lõi cho các đơn vị. Nhóm tổ chức doanh nghiệp dịch vụ KH&CN và trường/viện có doanh thu khả quan hơn nhóm tổ chức trung gian kết nối (sàn giao dịch, hiệp hội). Những tổ chức kết nối thường phụ thuộc nhiều vào ngân sách nhà nước và đóng góp của các bên tham gia.

Các hạn chế của TCTG KH&CN hiện tại thể hiện ở: số lượng phân bố hoạt động chưa đồng đều theo phạm vi địa lý và theo ngành; nhiệm vụ, chức năng của tổ chức trung gian chưa được xác định rõ ràng, thậm chí có sự chồng chéo, trùng lặp về chức năng nhiệm vụ giữa các tổ chức trung gian ở các loại hình khác nhau; chưa hình thành các mạch nối giữa các tổ chức trung gian trong một ngành và liên ngành; chưa có sự kết nối và liên kết giữa các tổ chức trung gian thuộc các loại hình khác nhau; thiếu sự tập trung, thống nhất về chỉ đạo và quản lý theo hệ thống ngành dọc đối với các tổ chức trung gian hiện nay.

Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ chính sách còn thiếu và chưa rõ ràng, đồng bộ cùng bản thân năng lực của tổ chức trung gian vẫn còn yếu.

Nghiên cứu cũng thực hiện phân tích thực trạng năng lực và kết quả hoạt động của các TCTG KH&CN trong 8 ngành, gồm: (i) thủy sản; (ii) thực phẩm đồ uống; (iii) dệt may; (iv) chế biến gỗ; (v) hóa dược; (vi) xây dựng công trình đường bộ; (vii) vật liệu xây dựng và (viii) năng lượng điện gió. Với mỗi ngành, hình thức hoạt động, năng lực và kết quả của 3 loại hình tổ chức trung gian nêu trên không giống nhau. Những ngành có TCTG mạnh là các doanh nghiệp/đơn vị dịch vụ KH&CN có thể kể đến là thực phẩm đồ uống, dệt may, hóa dược, xây dựng công trình đường bộ và năng lượng điện gió. Ngành có tổ chức hợp tác và hỗ trợ (trường, trung tâm, vườn ươm,...) mạnh là thủy sản, thực phẩm đồ uống, dệt may, hóa dược, xây dựng công trình đường bộ, vật liệu xây dựng, năng lượng điện gió. Ngành có các tổ chức trung gian kết nối mạnh là thủy sản, dệt may, chế biến gỗ, vật liệu xây dựng.

Nghiên cứu đề xuất 5 mô hình cơ bản về hoạt động của tổ chức trung gian, bao gồm: (i) mô hình TCTG đổi mới sáng tạo dẫn dắt; (ii) mô hình TCTG tích hợp mở; (iii) mô hình TCTG tích hợp; (iv) mô hình TCTG với vai trò dẫn dắt của Hiệp hội ngành nghề và (v) mô hình TCTG gắn với chuỗi giá trị và theo cụm công nghiệp (khu kinh tế). Tùy điều kiện các ngành và mục tiêu phát triển, các lĩnh vực khác nhau có thể ứng dụng các mô hình khác nhau.

Giải pháp chính sách nhằm phát triển TCTG KH&CN trong giai đoạn 2030 tập trung vào việc: (i) thành lập cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động trung gian KH&CN gắn với việc kiểm tra, đánh giá hoạt động của TCTG; (ii) hình thành tổ chức trung gian cấp quốc gia ở một số loại hình then chốt; (iii) hình thành mạng lưới cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ chế chia sẻ, sử dụng dữ liệu tới các đơn vị TCTG và đơn vị tham gia thị trường KH&CN. Ngoài ra, nghiên cứu đề xuất một số chính sách hỗ trợ khác liên quan đến thuế; Quỹ Phát triển KH&CN; phát triển nguồn nhân lực KH&CN; thu hút đầu tư nước ngoài và chuyên gia nước ngoài; thúc đẩy tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp dịch vụ KH&CN công lập;...

Theo các giải pháp này, nghiên cứu đưa ra một số đề xuất đối với Chính phủ, Bộ Khoa học và công nghệ; các Bộ liên quan và các đơn vị/tổ chức/cá nhân khác nhằm phát triển TCTG của thị trường KH&CN nói riêng, KH&CN nói chung, nhằm đạt mục tiêu trong văn kiện đại hội Đảng XIII đề ra: *Đến năm 2030, là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; có thể chế quản lý hiện đại, cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả; kinh tế phát triển năng động, nhanh và bền vững, độc lập, tự chủ trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với nâng cao hiệu quả trong hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy sức sáng tạo, ý chí và sức mạnh toàn dân tộc, xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, trật tự, kỷ cương, an toàn, bảo đảm cuộc sống hạnh phúc của người dân; không ngừng nâng cao đời*

sống mọi mặt của nhân dân; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Phấn đấu đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

3. Về hiệu quả kinh tế xã hội của nhiệm vụ

Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ là sản phẩm có thể đóng góp cho việc xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, cung cấp cho các cơ quan nhà nước có liên quan những luận cứ khoa học làm tiền đề để xây dựng chủ trương, chính sách và pháp luật về hỗ trợ phát triển của các trung gian khoa học và công nghệ; là cơ sở cho việc sửa đổi và bổ sung những bất cập của pháp luật về phát triển các trung gian khoa học và công nghệ.

Quá trình nghiên cứu đề tài cũng như sản phẩm của đề tài giúp cho các cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp hiểu rõ vai trò quan trọng của các tổ chức trung gian khoa học và công nghệ (môi giới, tư vấn, giám định, đánh giá, kiểm tra, kiểm định...)

Thông qua các hoạt động xúc tiến CGCN, phát triển thành công từ ý tưởng sáng tạo, sản phẩm ban đầu rất cần có các định chế trung gian hỗ trợ doanh nghiệp nhằm chia sẻ bí quyết kinh doanh công nghệ, tư vấn phát triển thị trường cho sản phẩm công nghệ...

Việc nghiên cứu đề tài giúp cho các nhà quản lý và các doanh nghiệp khoa học và công nghệ thấy được tầm quan trọng và vị trí của các trung gian khoa học và công nghệ, từ đó thúc đẩy sự hoạt động và hỗ trợ sự phát triển của các trung gian khoa học và công nghệ; thúc đẩy sự phát triển của thị trường khoa học và công nghệ.

Thông qua hoạt động nghiên cứu, nhóm nghiên cứu cũng mở ra hướng nghiên cứu mới thông qua các công trình công bố trong và ngoài nước, hướng tới mục tiêu phát triển thị trường khoa học và công nghệ Việt Nam, thực hiện mục tiêu hiện đại hóa, công nghiệp hóa đất nước tới năm 2030./.

III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Về tiến độ thực hiện: (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng):

- Nộp hồ sơ đúng hạn
- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng
- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Xuất sắc
- Đạt

- Không đạt



Giải thích lý do: Nhóm nghiên cứu đề nghị gia hạn 6 tháng với mục tiêu thực hiện hoạt động khảo sát nước ngoài trong khuôn khổ đề tài. Song, vì dịch bệnh Covid19 diễn biến phức tạp, chưa có dự báo chính xác về việc khi nào dịch bệnh có thể khống chế nên nhóm nghiên cứu đã chủ động thu thập thông tin thứ cấp và thu thập thông tin từ các mối quan hệ với nước ngoài để hoàn thành đề tài. Có thể khẳng định, nhóm đã thực hiện tốt các cam kết với Bộ Khoa học Công nghệ và với Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực: Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ

**THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ**

PGS.TS. Lê Trung Thành